

SỞ Y TẾ TỈNH HƯNG YÊN
BỆNH VIỆN ĐA KHOA LÂM HOA THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 989 /BCB-BVĐKLHTB

Hung Yên, ngày

tháng 11 năm 2025

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Hưng Yên.

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Bệnh viện Đa khoa Lâm Hoa Thái bình.

Giấy phép hoạt động số: 210/BYT-GPHĐ, của Bộ Y tế cấp ngày 16 tháng 9 năm 2025.

Địa chỉ: Số 588, đường Lê Quý Đôn, phường Trần Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: ThS.BS. Nhâm Sỹ Đức

Điện thoại liên hệ: 0227 37 38 399 Email: bvdklamhoatb@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP, ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

a) Cơ sở hướng dẫn thực hành đối với chức danh bác sỹ, bao gồm:

- Bác sỹ y khoa.
- Bác sỹ chuyên khoa: Hồi sức cấp cứu, Nội khoa, Nhi khoa, Gây mê hồi sức, Ngoại, Phụ sản, Mắt, Tai mũi họng, Xét nghiệm, Chẩn đoán hình ảnh.

- Bác sỹ Răng hàm mặt.
- Bác sỹ Y học cổ truyền.
- Bác sỹ Phục hồi chức năng.
- Bác sỹ y học dự phòng.

b) Cơ sở hướng dẫn thực hành đối với chức danh y sỹ:

- Y sỹ đa khoa
- Y sỹ Y học cổ truyền

c) Cơ sở hướng dẫn thực hành đối với chức danh điều dưỡng.

d) Cơ sở hướng dẫn thực hành đối với chức danh kỹ thuật y:

- Chức danh kỹ thuật y với phạm vi hành nghề xét nghiệm y học
- Chức danh kỹ thuật y với phạm vi hành nghề hình ảnh y học
- Chức danh kỹ thuật y với phạm vi hành nghề phục hồi chức năng

- e) Cơ sở hướng dẫn thực hành đối với chức danh cấp cứu viên ngoại viện
- f) Dược sỹ Đại học trở lên có bằng tốt nghiệp
- g) Dược sỹ Trung cấp, Cao đẳng có bằng tốt nghiệp

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành (có phụ lục kèm theo).

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác (Hợp đồng nguyên tắc đào tạo với Bệnh viện Phụ sản Anh Đức).

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành: Mỗi người hướng dẫn thực hành hướng dẫn tối đa 05 người (Số lượng người hướng dẫn thực hành có danh sách kèm theo Bản Công bố này).

5. Chi phí hướng dẫn thực hành: Theo quy định hiện hành của Bệnh viện đa khoa Lâm Hoa Thái Bình cụ thể như sau:

- Đối với Điều dưỡng, Kỹ thuật viên, Dược sỹ cao đẳng, Dược sỹ Trung học: kinh phí đào tạo: 500.000 đồng/ tháng, phí gửi xe (nếu có): 50.000 đồng/ tháng.

- Đối với Bác sỹ, Dược sỹ Đại học trở lên: kinh phí đào tạo: 700.000 đồng/ tháng, phí gửi xe (nếu có): 50.000 đồng/ tháng.

6. Bản công bố này thay thế các bản công bố trước đây của Bệnh viện đa khoa Lâm Hoa Thái Bình.

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo BVĐK Lâm Hoa Thái Bình;
- Các khoa, phòng trực thuộc Bệnh viện;
- Lưu: VT, KH&ĐT.

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Trường hợp thực hiện trực tuyến thì ký số hợp lệ của cá nhân, tổ chức



Nhâm Sỹ Đức

PHỤ LỤC

DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Kèm theo Bản Công bố số 989 /BCB-BVĐKLHTB, ngày 28/11/2025
của Giám đốc chuyên môn BVĐK Lâm Hoa Thái Bình)

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Số CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Hồi sức cấp cứu			
1.	Lê Hồng Đăng	Bác sỹ CKII HSCC	000025/T B-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh khoa Nội Bổ sung hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu
2.	Nguyễn Hồng Hạnh	Bác sỹ CKI HSCC	006492/T B-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội. Bổ sung phạm vi hành nghề chuyên khoa Hồi sức cấp cứu
3.	Vũ Văn Dưỡng	Bác sỹ Đa khoa	009282/T B-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội. Bổ sung phạm vi hành nghề chuyên khoa Hồi sức cấp cứu
	Nội khoa			
4.	Trần Thị Minh Toan	Thạc sỹ Bác sỹ	000229/T B-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa
5.	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Bác sỹ CKI	006843/T B-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội
6.	Nguyễn Thị Phượng	Bác sỹ Đa khoa	005921/T B-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội
7.	Bùi Ngọc Mai	Bác sỹ CKI	008606/T B-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội
	Nhi khoa			
8.	Nguyễn Thế Văn	Bác sỹ Đa khoa	009186/T B-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi
9.	Bùi Thị Quỳnh	Bác sỹ Đa khoa	009187/T B-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Nhi
	Gây mê hồi sức			
10.	Phạm Lê Hoàn	Thạc sỹ Bác sỹ	0002996/ HY- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê - Hồi sức
11.	Đỗ Huy Hoàng	Bác sỹ CKII	002144/T B-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức
12.	Hoàng Trinh Thiêm	Bác sỹ	006491/T	Khám bệnh, chữa bệnh

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Số CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn
		CKI	B-CCHN	chuyên khoa Gây mê - Hồi sức
	YHCT - PHCN			
13.	Lê Văn Tuệ	Bác sỹ CKII	0011176/B YT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền
14.	Hoàng Quang Hưng	Bác sỹ YHCT	008734/T B-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền Bổ sung phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng
15.	Bùi Thị Thao	Thạc sỹ Bác sỹ PHCN	0010031/B YT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Vật lý trị liệu, Phục hồi chức năng
16.	Phạm Chí Công	Bác sỹ NT YHCT	000183/T B-GPHN	Y học cổ truyền
17.	Nguyễn Đức Thành	Bác sỹ YHCT	009684/T B-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền
	Da liễu			
18.	Bùi Thị Bích Phương	Bác sỹ Y khoa	0003099/T B-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa bổ sung phạm vi HĐCM: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa da liễu
	Ngoại			
19.	Nguyễn Công Hóa	Bác sỹ CKII	002102/T B-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại
20.	Phạm Thiện Điều	Bác sỹ CKII	0009960/B YT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, chấn thương chỉnh hình
21.	Trần Văn Nam	Bác sỹ CKII	002152/T B-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại
22.	Lê Công Thức	Bác sỹ CKI	006981/T B-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại
23.	Lưu Văn Thế	Bác sỹ CKI	006991/T B-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại
24.	Phạm Văn Giang	Bác sỹ CKI	007971/T B-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại
25.	Phạm Thành Công	Bác sỹ CKI	007972/T B-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại
	Phụ sản			

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Số CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn
26.	Bùi Đình Tuấn	Bác sỹ CKI	001961/T B-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa sản
27.	Phạm Thị An Trinh	Bác sỹ Đa khoa	010268/T B-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa
28.	Bùi Thị Thúy	Bác sỹ Đa khoa	009969/T B-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản phụ khoa
	Mắt			
29.	Nguyễn Thị Tư	Bác sỹ CKII	9945/BYT -CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt
	Răng hàm mặt			
30.	Ngô Thái Hà	Bác sỹ CKII	000367/T B-CCHN	Khám, chữa bệnh Răng hàm mặt
31.	Nguyễn Văn Lâm	Bác sỹ CKI	009846/T B-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt
	Tai Mũi họng			
32.	Đinh Văn Tiếp	Bác sỹ CKI	000364/T B-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh TMH
33.	Nguyễn Xuân Duy	Bác sỹ CKI	008570/T B-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa. QĐ số 204/QĐ-SYT của Sở Y tế Thái Bình cấp ngày 08/03/2021 về việc bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai mũi họng
	Xét nghiệm			
34.	Lương Hồng Thái	Bác sỹ CKII	002661/T B-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hóa sinh
35.	Lò Thị Hoàng	Bác sỹ Đa khoa	006615/T B-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Xét nghiệm
36.	Nguyễn Thị Ngát	Bác sỹ CKI	009248/T B-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa; QĐ số 226/QĐ-SYT của Sở Y tế Thái Bình cấp ngày 01/04/2025 về việc bổ sung phạm vi hành nghề chuyên khoa Huyết học - Truyền máu
	Chẩn đoán hình ảnh (Điện quang)			
37.	Bùi Mạnh Cường	Thạc sỹ Bác sỹ	0004361/T B-CCHN	Khám, chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Số CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn
38.	Bùi Tài Năng	Bác sỹ CKI	000230/T B-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chẩn đoán hình ảnh
39.	Dương Anh Sơn	Bác sỹ Đa khoa	008070/T B-CCHN	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh
40.	Nguyễn Thị Thu Hà	Bác sỹ Đa khoa	007029/T B-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chẩn đoán hình ảnh
	Điều dưỡng			
41.	Nguyễn Thị Thảo	Đại học Điều dưỡng	000186/T B-CCHN	Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của bộ trưởng Bộ Nội vụ V/v ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch viên chức y tế điều dưỡng.
42.	Phan Thị Luyến	Đại học Điều dưỡng	000237/T B-CCHN	Theo thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/03/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức hộ sinh
43.	Phạm Thị Thanh Hiền	Thạc sỹ Điều dưỡng	0003143/T B-CCHN	Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của bộ trưởng Bộ Nội vụ V/v ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch viên chức y tế điều dưỡng.
44.	Nguyễn Thị Như Hiền	Đại học Điều dưỡng	006328/T B-CCHN	Thực hiện theo TT số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng
45.	Bùi Thị Tiên	Cao đẳng Điều dưỡng	000244//T B-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định chức mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng.
46.	Đoàn Kim Trang	Cao đẳng Điều dưỡng	000788/H Y-GPHN	Điều dưỡng
47.	Trần Thị Chi	Đại học Điều dưỡng	006184/T B-CCHN	Thực hiện theo TT số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Số CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn
48.	Nguyễn Thị Vinh	Cao đẳng điều dưỡng	000296/T B-CCHN	Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của bộ trưởng Bộ Nội vụ V/v ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch viên chức y tế điều dưỡng
49.	Nguyễn Trọng Thuận	Cao đẳng Điều dưỡng	000214/T B-CCHN	Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của bộ trưởng Bộ Nội vụ V/v ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch viên chức y tế điều dưỡng.
50.	Nguyễn Văn Hải	Cao đẳng Điều dưỡng	000160/T B-CCHN	Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của bộ trưởng Bộ Nội vụ V/v ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch viên chức y tế điều dưỡng.
51.	Phan Thị Thanh Nhân	Đại học Điều dưỡng	006333/T B-CCHN	Thực hiện theo TT số 26/2015/TTLTBYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng.
52.	Vũ Thị Hương	Đại học Điều dưỡng	0005130/T B-CCHN	Thực hiện chuyên môn kỹ thuật Điều dưỡng viên
53.	Phạm Thị Thu Hương	Đại học Điều dưỡng	000377/T B-CCHN	Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của bộ trưởng Bộ Nội vụ V/v ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch viên chức y tế điều dưỡng.
54.	Nguyễn Thị Thơ	Đại học Điều dưỡng	000205/T B-CCHN	Theo QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của bộ trưởng Bộ Nội vụ V/v ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch viên chức y tế điều dưỡng.
	Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng			
55.	Vũ Đức Dũng	Cao đẳng PHCN	008083/T B-CCHN	Kỹ thuật viên phục hồi chức năng
56.	Hoàng Thị Thanh Thanh	Đại học PHCN	000440/T B-GPHN	Phục hồi chức năng

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Số CCHN	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Kỹ thuật viên Xét nghiệm			
57.	Phan Thanh Bình	Đại học KTV XN	006199/T B-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm
58.	Nguyễn Đại Dương	Đại học KTV XN	006228/T B-CCHN	Kỹ thuật viên xét nghiệm
	Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh			
59.	Nguyễn Thành Nam	Đại học KTV CDHA	006254/T B-CCHN	Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh
	Hành nghề Dược			
60.	Hoàng Thị Thủy	Đại học Dược	000774/T B-CCHN	Doanh nghiệp bán thuốc, nhà thuốc.
61.	Bùi Thanh Thùy	Ds. CKI	002197/C CHN-D-SYT-TB	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về Dược của cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc
62.	Lương Thị Dương	Đại học Dược	000063/T B-CCHND	Nhà thuốc; Quầy thuốc
63.	Phạm Thị Lan	Đại học Dược	000060/C CHN-D-SYT-TB	Quầy thuốc
64.	Hoàng Thị Tố Nga	Đại học Dược	003278/C CHN-D-SYT-TB	Nhà thuốc; Quầy thuốc

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

Trưởng hợp thực hiện trực tuyến thi kỳ số
hợp lệ của cá nhân, tổ chức**Nhâm Sỹ Đức**